

PHỤ LỤC 2 - THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 11+12 NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD, ngày /11/2021 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)
1. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Giá bình quân	174.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	thông báo tại mô đá	201.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	Minh Sáng, mỏ đá	212.000		
	Đá dăm 1x2	m ³	Thạch Anh, mỏ đá	226.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³	Hòa Phú và mỏ đá	167.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³	Nam Hải, mỏ đá	192.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³	Thiên An, Hoàng Nam)	182.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch Tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN	950		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Hòa Phú	1.000		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.500		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Gạch không nung Việt Tân/KCN Hòa Phú	1.100		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ đặc (50x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	900		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	Gạch bê tông rỗng (14x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	5.455		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		3.636		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		6.364		
	Gạch bê tông ly tâm					
	Kiểu Tây Ban Nha: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Hướng Dương: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Đồng Tiền: KT 30x30x5cm(11viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²	Cty Phát Thịnh	140.000		

	- Màu vàng	m ²		150.000		
	<i>Gạch bê tông tự chèn hoa văn lục giác: KT 21x21x5cm (26viên/m²)</i>					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu đỏ	m ²	Sản phẩm của Công ty TNHH MTV Đình Trung	125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu vàng	m ²		135.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu xám	m ²		125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm hai màu đỏ, vàng	m ²		145.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				24.186	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn lạnh AZ70 phủ AF - dày 0,30mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		92.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,35mm	m ²			105.455	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,40mm	m ²			119.091	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,50mm	m ²			146.364	
+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng giả ngói Hoa Sen					
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,40mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		130.909	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,45mm	m ²			145.455	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,50mm	m ²			160.909	
	Tôn lạnh la phông					
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,20mm (Hoa Sen AZ070)	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		68.180	
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,22mm (Hoa Sen AZ070)	m ²			72.730	
7	NHÓM VẬT LIỆU NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường Phuy Shell Singapore 60/70	kg	Cty TNHH TM-SX-DV Tín Thịnh		16.045	
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg	TCT hóa dầu Petrolimex		14.937	
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg			13.737	
	Nhựa đường nhũ tương gốc Axit 60% (TCVN 8817:2011)	kg			13.537	

2. THỊ XÃ BUỒN HỒ

Căn cứ Báo cáo số 131/BC-QLĐT ngày 14/10/2021 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Buôn Hồ

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn			1.860.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			330.000	
	Cát tô	m ³			360.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc				280.000	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³			280.000	
	Đá dăm 2x4	m ³			330.000	
	Đá dăm 1x2	m ³			330.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³			330.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³			320.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³			320.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			850	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			770	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.200	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.200	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.500	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		18.200	
	Ø8 CB240-T	kg			18.200	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cửa hàng Hoa Sen		128.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m	Buôn Hồ		99.000	

3. HUYỆN CƯ M'GAR

Căn cứ Công văn số 3214/UBND-KTHT ngày 07/10/2021 của UBND huyện Cư M'gar

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Đại lý trung tâm thị trấn		1.900.000	
	Ximăng PCB30	tấn			1.800.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Đại lý trung tâm thị trấn		310.000	
	Cát tô	m ³			320.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			180.000	270.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		212.000	280.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		218.000	300.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		230.000	330.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		228.000	350.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		225.000	250.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		213.000	260.000	
			(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Ea M'roh, mỏ đá Phúc Thiện)			Trung tâm thị trấn Quảng phú
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			650	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			610	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			910	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Đại lý trung tâm thị trấn		1.600	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.400	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			8.500	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			5.100	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				22.500	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg	Đại lý trung tâm thị trấn		20.000	
	Ø8	kg			20.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg			20.000	
	Ø12 - Ø32	kg			20.000	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Đại lý trung tâm thị trấn		100.000	
	Tôn lạnh	m			72.000	

4. HUYỆN KRÔNG BÚK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			236.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		264.000		
	Đá dăm 1x2	m ³	Mô đá Phục Hưng	336.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		227.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		291.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		236.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

Hoàng Việt, Việt Hà (Tạm nghỉ)	Phục Hưng	Thạch An Nguyên	Số lượng	
	260.000		1	236.000
	270.000		1	245.000
	290.000		1	264.000
	370.000		1	336.000
	250.000		1	227.000
	320.000		1	291.000
	260.000		1	236.000

5. HUYỆN KRÔNG BÔNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			182.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh và mỏ đá Cty Bình Hòa và mỏ đá 39)	243.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		259.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		282.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		241.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		255.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		209.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

6. HUYỆN LẮK

Căn cứ Thông báo số 70/TB-KTHT ngày 11/10/2021 của Phòng KTHT huyện Lắk

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Buôn	220.000		
	Cát tô	m ³	Mliêng	260.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			163.600		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.400		
	Đá dăm 2x4	m ³		263.600		
	Đá dăm 1x2	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Côngty CP Hồ Tài Nguyên)	277.273		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.182		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		236.364		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		218.182		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TÂM TRẦN, TÂM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				
	Tôn lạnh	m				

7. HUYỆN BUÔN ĐÔN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			164.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Thanh Tuấn, mỏ đá EA M'roh, mỏ đá Tài Phát)	186.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		200.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		202.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		174.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		204.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		193.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

8. HUYỆN KRÔNG PẮC

Căn cứ Báo cáo số 556/UBND-KTHT ngày 09/11/2021 của UBND huyện Krông Pắc

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.890.000	Trị trấn Phước An
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			300.000	Trị trấn Phước An
	Cát tô	m ³			310.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			182.000	290.000	Thị trấn Phước An
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh, mỏ đá Cty Bình Hoà)	243.000	200.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		259.000	340.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		282.000	350.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		241.000	270.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		255.000	220.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		209.000	220.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			600	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			700	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			840	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.200	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.300	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			950	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			2.700	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			19.400	Thị trấn Phước An
	Ø8 CB240-T	kg			19.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			19.555	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m			115.000	Trị trấn Phước An
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			125.000	
	Tôn lạnh	m			80.000	
	Tôn lạnh xanh ngọc	m			83.000	
7	NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			12.409	Trị trấn Phước An
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg			12.372	

9. HUYỆN EA H'LEO

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			220.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		220.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		234.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		258.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		248.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Tân Thành Đạt, mỏ đá Ea Sol)	249.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		239.000		
	Đá 0,5 x 1 (qua cối vo)	m ³		336.000		
	Đá dăm 1x2 (qua cối vo)	m ³		364.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	800		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.600		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	nt	4.500		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	nt	7.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu tím	m ²	Công ty TNHH XD TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	115.000		
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu đỏ	m ²		125.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.550	
	Ø8 CB240-T	kg			17.350	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

242.000			1	220.000
253.000	230.000		2	220.000
275.000	240.000		2	234.000
297.000	270.000		2	258.000
286.000	260.000		2	248.000
297.000	250.000		2	249.000
286.000	240.000		2	239.000

10. HUYỆN CƯ KUIN

Căn cứ Công văn số 2642/UBND-KTHT ngày 15/10/2021 của UBND huyện Cư Kuin

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát cầu Giang Sơn (Km 24/QL 27)	170.000		
	Cát tô	m ³		180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			205.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Tuấn Nhân, mỏ đá Công ty Minh Sáng)	305.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		291.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		175.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Gạch Hiệp Tân, xã Hòa Hiệp	400		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		450		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		630		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không có
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Cty Trung Tuấn	1.100		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				Không có
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	Cty Trung Tuấn	6.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>		Trung tâm huyện		20.500	
+	<i>Thép cuộn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø6 CB240-T	kg			18.600	
	Ø8 CB240-T	kg			18.600	
+	<i>Thép thanh vằn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø10 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø16 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			18.600	
	Ø10 CB400-V	kg			18.600	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			18.600	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Trung tâm huyện		109.000	
	Tôn lạnh	m			70.000	

11. HUYỆN KRÔNG NĂNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Phục Hưng	260.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		270.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		290.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		370.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		250.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		320.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		260.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

12. HUYỆN M'DRẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			230.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		255.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá 52, mỏ đá Công ty Đức Anh)	277.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		286.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		243.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		252.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		243.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH TM Dịch vụ Nam Điền/Xã Cư M'Ta, huyện M'Drắk	1.000		
	Gạch ống 06 lỗ (180x80x120)mm	viên		1.250		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

Mô 52	Mô đá Sanh chiến	Mô Cư Huê (Đức Anh)	Số lượng	Giá BQ
315.000		190.000	2	230.000
335.000		225.000	2	255.000
355.000		255.000	2	277.000
360.000		270.000	2	286.000
325.000		210.000	2	243.000
325.000		230.000	2	252.000
320.000		215.000	2	243.000

13. HUYỆN KRÔNG ANA

Căn cứ Báo cáo số 554/BC-UBND ngày 10/11/2021 của UBND huyện Krông Ana

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Quỳnh	170.000		
	Cát tô	m ³	Ngọc, xã Ea Na	180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			174.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		201.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Hoàng Nam tại Hoà Phú)	212.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		226.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		167.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		192.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Xã Ea Bông, huyện Krông Ana	950		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.000		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.500		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông	m	Nhà máy cán tôn Long Hà, thị trấn Buôn Tráp		85.000	
	Tôn lạnh	m			75.000	

14. HUYỆN EA SÚP

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			161.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Công ty Thuận An, mỏ đá Ea M'roh)	181.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		187.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		193.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		189.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.400	
	Ø8 CB240-T	kg			17.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.550	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.350	
	Ø10 CB400-V	kg			17.750	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.550	
	Ø10 CB500-V	kg			17.850	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.650	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

15. HUYỆN EA KAR

Căn cứ Báo cáo số 578/BC-UBND ngày 10/11/2021 của UBND huyện Ea Kar

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Cty Đức Tiến	1.636.000	1.700.000	
	Ximăng PCB30	tấn	nt			
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH khai thác cát Đoàn Kết, xã Ea Ô	200.000	300.000	
	Cát tô	m ³		200.000	300.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Hợp Thành	210.000	270.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000	300.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		245.000	305.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		260.000	320.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		220.000	280.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		190.000	270.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		230.000	290.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty Trường Phước	900	1.000	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên	Cty Đức Tân	750	850	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên	Cty Đức Tân	1.200	1.400	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.100	1.300	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		600	700	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.400	6.000	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		8.800	11.000	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình, thép tấm</i>	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.000	
	Thép V25-V65	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.000	
	Thép hộp Hoa Sen	kg	Cty Tôn Đại Lộc		25.000	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.050	
	Ø8	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg	Cty Tôn Đại Lộc		17.960	
	Ø12 - Ø32	kg	Cty Tôn Đại Lộc		17.960	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Cty Hiệp Hưng		95.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cty Hiệp Hưng		105.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m	nt		78.000	
7	VẬT LIỆU KHÁC	m2				
	Ống nhựa PVC d=42mm	m	Vật liệu Tiên Hương, nhựa Bình Minh		18.700	
	Ống nhựa PVC d=21mm BM	m			6.200	
	Ống nhựa PVC d=27mm BM	m			11.200	
	Ống nhựa PVC d=34mm BM	m			15.000	
	Ống nhựa PVC d=60mm BM	m			26.200	
	Ống nhựa PVC d=90mm BM	m			52.500	
	Ống nhựa PVC d=114mm BM	m			72.500	
8	GẠCH ỐP, LÁT					
	Gạch Granit KT 60x60	m2	Công ty Viglacera		190.000	
	Gạch Ceramic lát KT 30x30	m2	Công ty Viglacera		110.000	
	Gạch Ceramic lát KT 40x40	m2	Công ty Trung Nguyên		85.000	
	Gạch Ceramic lát KT 50x50	m2			100.000	
	Gạch Ceramic lát KT 60x60	m2	Công ty Nice		120.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x60	m2	Công ty Nice		140.000	

	Gạch ốp Ceramic KT 30x45	m2	Công ty Nice		90.000	
9	SON, BỘT BÀ					
	Sơn nước trong Infor	lít	Công ty Infor		55.000	
	Sơn nước trong Dulux	lít	Công ty Dulux		85.000	
	Sơn nước trong Nesan	lít	Cty Tài Phát		78.000	
	Sơn nước ngoài Infor	lít	Công ty Infor		85.000	
	Sơn nước ngoài Dulux	lít	Công ty Dulux		110.000	
	Sơn nước ngoài Nesan	lít	Cty Tài Phát		112.000	
	Bột trét trong Infor	kg	Công ty Infor		5.000	
	Bột trét trong Dulux	kg	Công ty Dulux		9.000	
	Bột trét trong Nesan	kg	Cty Tài Phát		5.000	
	Bộ trét ngoài Infor	kg	Công ty Infor		7.000	
	Bột trét ngoài Dulux	kg	Công ty Dulux		11.000	
	Bột trét ngoài Nesan	kg	Cty Tài Phát		6.700	
	Sơn lót nội thất Infor	lít	Công ty Infor		60.000	
	Sơn lót nội thất Dulux	lít	Công ty Dulux		83.000	
	Sơn lót ngoại thất Infor	lít	Công ty Infor		90.000	
	Sơn lót ngoại thất Dulux	lít	Công ty Dulux		135.000	
	Sơn lót ngoại thất Nesan	lít	Cty Tài Phát		131.000	
	Flinkote chống thấm	lít			90.000	
10	GẠCH TERAZZO					
	Gạch terazzo KT 40x40x3	m2	Công ty Hoàng Thụ	90.000	100.000	
11	NGÓI					
	Ngói 22 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	6.000	6.500	
	Ngói 10 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	12.000	13.000	
12	THIẾT BỊ VỆ SINH					
	Vòi rửa	Bộ	Forrie		150.000	
	Sen tắm lạnh	Bộ	Rossi		450.000	
	Sen tắm nóng lạnh	Bộ	Rossi		1.200.000	
	Chậu Lavabo	Bộ	Viglacera		320.000	
	Xí bệt rời (2 khối)	Bộ	Viglacera		1.300.000	
	Xí bệt liền khối	Bộ	Viglacera		2.100.000	
	Xí xôm	Cái	Viglacera		200.000	
	Tiểu nam	Cái	Viglacera		450.000	
	Tiểu nữ	Cái	Viglacera		450.000	
	Vòi xịt	Cái	American		150.000	
	Gương soi	Cái	Ceasar		100.000	
	Lọc rác inox 2020	Cái	Ceasar		100.000	
	Cầu chắn rác trên Sê nô	Cái	Ceasar		120.000	
13	NHÓM VẬT LIỆU ĐIỆN					
	Các loại dây điện					
	Dây điện bọc nhựa PVC (VCm-300/500V) - TCVN 6610:3 (ruột đồng)		Tiệm điện Văn Sang, thị trấn Ea Kar			
	+ Quy cách VCM-0,5	m			2.350	
	+ Quy cách VCM-0,75	m			3.260	
	+ Quy cách VCM-1,0	m			4.190	
	Dây 2x1,5 Cadisun	m			4.700	
	Dây điện 2x2,5 Cadisun	m			7.700	
	Dây điện 1x4	m			11.000	
	Dây điện lõi đồng 1x10	m			30.000	
	Bóng tuýp 1,2m+ máng	Bộ			120.000	
	Bóng lớp trang trí	Cái			180.000	
	Quạt trần	Cái			480.000	
	Quạt treo tường	Cái			350.000	
14	BỒN NƯỚC INOX					
	Bồn 1 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		3.100.000	
	Bồn 2 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		6.000.000	
	Bồn 1,5 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		4.500.000	